TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỦA CHÙA
TỈNH ĐIỆN BIÊN

Bản án số: 09/2017/HNGĐ-ST
Ngày 26-9-2017
V/v: Ly hôn, tranh chấp về
Chia tài sản chung khi ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỦA CHÙA - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trương Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phạm Hữu Hà và bà Lò Thị Dậu

- *Thư ký phiên tòa*: ông Nguyễn Trọng Thể - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tủa Chùa , tỉnh Điện Biên

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tủa Chùa tham gia phiên tòa*: ông Lò Văn Nhung- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 09 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 16/2017/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 06 năm 2017 về việc: Ly hôn, tranh chấp về chia tài sản chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2017/QĐXX-ST ngày 05 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1 . *Nguyên đơn*: anh Lò Văn D – Sinh năm: 1973; Địa chỉ: Thôn Bản H, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên./ có mặt

2 . *Bị đơn*: chị Vì Thị V – Sinh năm: 1974; Địa chỉ: Thôn Bản H, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên/ có mặt

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam- Đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn S, Giám đốc phòng giao địch Ngân hàng CSXH huyện T, tỉnh Điện Biên / vắng mặt

- anh Lò Văn Q- SN 1998; Địa chỉ: Thôn Bản H, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên/ có mặt

4. Người làm chứng:

- anh Quàng Văn C – SN 1983; / vắng mặt
- anh Lò Văn P – SN 1990; / vắng mặt
- ông Lường Văn Ph – SN 1969; / vắng mặt
- ông Lò Văn M – SN 1969; / vắng mặt
- chị Lò Thị H – SN 1992;/ vắng mặt

Cùng trú tại: Thôn Bản H, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên

- ông Lò Văn N – SN 1973; Thôn Bản K, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên./ vắng mặt

5. Người phiên dịch: bà Lò Thị T- SN 1980; địa chỉ: Đội 2, xã MB, huyện T, tỉnh Điện Biên./ Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các văn bản ghi ý kiến của nguyên đơn anh Lò Văn D trình bày: anh và chị Vì Thị V chung sống với nhau từ năm 1996 do sự tự nguyện của cả hai bên, hai người có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T ngày 17/9/1996, do chị V không chăm lo cho cuộc sống chung của gia đình, chỉ thích đi chơi, một tháng đi đâu 3-4 ngày không có lý do; mặc dù anh đã nhắc nhở nhưng chị Vì Thị V vẫn không thay đổi dẫn đến tình cảm giữa anh và chị V đến nay không còn và hai người đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2016 cho đến nay, anh yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Được ly hôn với chị Vì Thị V

Về con chung: các con đã trưởng thành và xây dựng gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung gồm: 01 ngôi nhà gỗ 02 gian lợp ngói Prôximăng nhà tạm dựng vào tháng 02/2017 từ bộ gỗ nhà cũ trị giá 2.000.000đ; 01 chiếc xe mô tô Honda- Wave đã cũ trị giá 6.000.000đ; 01 bộ cột và xà gỗ dùng để làm nhà gồm 20 cột trị giá 1.300.000đ/ 01 cột và 02 xà (quá giang) trị giá 900.000đ/ 01 xà; 30 tấm ván mỗi tấm trị giá 300.000đ; một số tài sản khác gồm bàn ghế, tủ gỗ ép đã cũ không còn giá trị. Nguyên đơn đề nghị chia cho bị đơn sử dụng toàn bộ tài sản và trả giá trị chênh lệch cho nguyên đơn.

Trong các văn bản ghi ý kiến của bị đơn chị Vì Thị V đồng ý với ý kiến của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân và con chung, chị không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn do chị không có lỗi mà do nguyên đơn có hành vi ngoại tình nên muốn ly hôn; chị nhất trí với số lượng và giá trị tài sản như trình bày của nguyên đơn, tuy nhiên về số lượng bộ gỗ dùng để làm nhà nguồn gốc số tiền thuê xẻ và vận chuyển gỗ về là của con trai Lò Văn Q, nên đề nghị chia số gỗ cho con trai Lò Văn Q; Ngoài ra, Bị đơn bổ sung yêu cầu giải quyết khoản nợ của gia đình hiện nay đang nợ ngân hàng chính sách xã hội huyện T số tiền 58.000.000đ từ năm 2015 đến nay chưa trả. Về tài sản chung bị đơn yêu cầu chia đôi và mỗi người có trách nhiệm trả một nửa số nợ cho ngân hàng CSXH cùng lãi phát sinh.

Đại diện hợp pháp của Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng CSXH Việt Nam ông Nguyễn Văn S thống nhất về số nợ hiện nay của nguyên đơn và bị đơn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lò Văn Q trình bày: Năm 2015 anh đi làm thuê tại tỉnh Lâm Đồng và có gửi tiền về cho bà Vì Thị V làm 03 đợt: đợt 01 gửi 10.000.000đ , đợt 02 gửi 15.000.000đ, đợt 03 gửi 2.000.000đ, mục đích gửi tiền về để nhờ bố mẹ mua hộ gỗ để làm nhà, hiện nay ông D và bà V ly hôn thì bộ cột gỗ gồm 20 cột, 02 xà và 30 tấm ván để làm nhà phải trả cho anh.

Những người làm chứng, anh Quàng Văn C là người nhận thuê xẻ và vận chuyển gỗ khẳng định đã nhận xẻ và vận chuyển gỗ với anh Lò Văn D giá

1.300.000đ/ 01 cột, 900.000đ/ 01 xà và 300.000đ/01 tấm ván, tổng số gỗ đã xẻ và vận chuyển về nhà là 20 cột, 03 xà, 30 tấm ván, giá trị bộ gỗ làm nhà là 37.700.000đ. Chị Lò Thị H khai có cho bố mẹ 6.000.000đ để trả tiền thuê xẻ, vận chuyển ván và không yêu cầu phải trả lại, anh Lò Văn P xác nhận đã nhận tiền do anh Q chuyển về qua chứng minh thư của anh tại bưu điện và anh đã rút tiền đưa cho bà Vì Thị V; ông Lò Văn M, ông Lường Văn Ph xác nhận đã đưa bà V ra Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện để rút tiền do anh Q chuyển về.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ xác định số lượng tài sản như ý kiến của nguyên đơn: gồm 01 ngôi nhà gỗ 02 gian, 01 xe mô tô, 01 bộ bàn ghế đã cũ, 01 tủ tường đã cũ, 01 bộ gỗ dùng để làm nhà gồm 20 cột, 02 xà, 30 tấm ván.

Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn nhất trí ly hôn, các bên thống nhất về số lượng và giá trị các tài sản chung. Các đương sự thỏa thuận nhất trí: số lượng 20 cột và 02 xà chia cho anh Lò Văn Q; Các tài sản còn lại là tài sản chung của nguyên đơn và bị đơn gồm 01 ngôi nhà, 01 chiếc xe mô tô, 30 tấm ván gỗ, đối với 01 bộ bàn ghế và 01 tủ tường đã cũ không còn giá trị, tổng giá trị tài sản chung là 17.000.000đ, Nguyên đơn và bị đơn nhất trí chia toàn bộ tài sản chung cho bị đơn, bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán giá trị chênh lệch cho nguyên đơn là 8.500.000đ, tuy nhiên các bên thỏa thuận tính số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn chuyển sang bị đơn phải trả Ngân hàng CSXH huyện T nhiều hơn nguyên đơn là 37.500.000đ nợ gốc cùng lãi phát sinh, số nợ ngân hàng CSXH huyện còn lại nguyên đơn có trách nhiệm trả ngân hàng là 20.500.000đ nợ gốc và lãi phát sinh khi đến hạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T không có kiến nghị gì về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng; Về nội dung vụ án đề nghị HĐXX chấp nhận sự thỏa thuận của các bên: công nhận thuận tình ly hôn, công nhận thỏa thuận về chia tài sản chung: chia cho anh Lò Văn Q tài sản gồm 20 cột, 02 xà gỗ dùng để dựng nhà; số tài sản chung của nguyên đơn và bị đơn đề nghị chia cho Bị đơn toàn bộ và bị đơn phải trả khoản nợ ngân hàng CSXH huyện T số tiền 37.500.000đ nợ gốc và lãi phát sinh, nguyên đơn phải trả 20.500.000đ nợ gốc và lãi phát sinh khi nợ đến hạn và ngân hàng CSXH huyện có yêu cầu, về án phí đề nghị miễn toàn bộ án phí DSST cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người Đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn S và những người làm chứng, xét thấy những người này đã có lời khai và sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử, do đó Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 2 điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Lò Văn D và chị Vì Thị V tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1996 và có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thủ tục đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật. Về nguyên nhân xin ly hôn do hai bên bất đồng về quan điểm sống, cuộc sống chung thường xảy ra mâu thuẫn, do đó nguyên đơn và bị đơn đã sống ly thân từ tháng 9/2016 đến nay.

Tại phiên tòa các bên thuận tình ly hôn nên cần căn cứ theo quy định tại điều 55 của luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận sự thuận tình ly hôn của các bên.

[3] Về con chung: Các con chung đã trưởng thành và xây dựng gia đình riêng, các bên không đề nghị giải quyết nên HĐXX không đặt vấn đề xem xét.

[4] Về chia tài sản chung và giải quyết nợ chung:

Trong quá trình giải quyết các bên đã thống nhất được về số lượng và giá trị tài sản chung, tại phiên tòa các bên đã tự thỏa thuận được với nhau về việc chia tài sản chung, HĐXX thấy sự thỏa thuận của các bên là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi của người phụ nữ nên cần chấp nhận:

4.1. Về chia tài sản chung:

- Chia cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lò Văn Q: 20 cột gỗ (trong đó 05 cột có kích thước dài 6,6m x 20cm x 18 cm, 15 cột có kích thước dài 4,65m x 20cm x 16 cm) và 02 xà gỗ (có kích thước 4,65 x 16cm x 16cm), giá trị bộ cột và xà gỗ là 27.800.000đ.

- Chia cho Bị đơn: 01 ngôi nhà gỗ 02 gian lợp ngói, 01 chiếc xe mô tô, 30 tấm ván (kích thước dài 6,6m x 30cm x 03cm), 01 bộ bàn ghế đã cũ, 01 tủ gỗ ép đã cũ; tổng giá trị tài sản bị đơn được nhận là 17.000.000đ.

4.2. Về giải quyết nợ chung:

Nguyên đơn có trách nhiệm trả Ngân hàng CSXH huyện T 20.500.000đ nợ gốc và lãi phát sinh khi đến hạn.

Bị đơn có trách nhiệm trả Ngân hàng CSXH huyện T 37.500.000đ nợ gốc và lãi phát sinh khi đến hạn.

[5] Về chi phí tố tụng khác: Nguyên đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 500.000đ theo quy định tại khoản 3 điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về án phí: Các đương sự là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình thuộc hộ nghèo có xác nhận của UBND xã nên cần miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch theo quy định tại điểm đ khoản 1 điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 3 điều 157, khoản 1 điều 227, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 55, Điều 59 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Các Điều 209, 213, 219, 357 Bộ luật dân sự

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên bố:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lò Văn D và chị Vì Thị V

2. Về chia tài sản chung:

- Chia cho anh Lò Văn Q: 20 cột gỗ (trong đó 05 cột có kích thước dài 6,6m x 20cm x 18 cm, 15 cột có kích thước dài 4,65m x 20cm x 16 cm); 02 xà gỗ (có kích thước dài 4,65m x 16cm x 16cm), Tổng trị giá 27.800.000đ

- Chia cho Bị đơn: Tổng số tài sản chung của nguyên đơn và bị đơn gồm: 01 ngôi nhà gỗ 02 gian lợp ngói Prôximăng trị giá 2.000.000đ; 01 chiếc xe mô tô Honda- Wave đã cũ trị giá 6.000.000đ, 30 tấm ván gỗ (kích thước dài 6,6m x 30cm x 03cm) trị giá 9.000.000đ, 01 bộ bàn ghế đã cũ không còn giá trị, 01 tủ gỗ ép đã cũ không còn giá trị; Tổng giá trị tài sản bị đơn được nhận là 17.000.000đ.

3. Về nợ chung:

Buộc anh Lò Văn D phải trả Ngân hàng CSXH huyện T số tiền 20.500.000đ nợ gốc cùng lãi phát sinh khi nợ đến hạn và Ngân hàng CSXH có yêu cầu.

Buộc chị Vì Thị V phải trả Ngân hàng CSXH huyện T số tiền 37.500.000đ nợ gốc cùng lãi phát sinh khi nợ đến hạn và Ngân hàng CSXH có yêu cầu.

Kể từ ngày có quyết định thi hành án nếu người có nghĩa vụ không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn chịu số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thi hành án theo quy định tại điều 357 của Bộ luật dân sự.

4. Về chi phí tố tụng khác: Nguyên đơn anh Lò Văn D phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 500.000đ, nguyên đơn đã nộp đủ.

5. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện T;
- Phòng KTNV&THA Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã M
- Các đương sự;
- Lưu HSVA

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trương Anh Tuấn